TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ký ức ùa về

ISSN: 2734-9195 09:05 03/05/2026

Có lẽ từ rất sớm, tôi đã học được nơi ông ngoại một bài học giản dị: có những việc trong đời không thể dùng sự nóng vội để điều khiển mà phải hiểu nhịp của nó, phải kiên nhẫn đi cùng nó, rồi mọi thứ mới dần về đúng lối.

Tác giả: **Biện Bạch Ngọc**
Hội viên Hội VHNT tỉnh Gia Lai

Tôi nhận được tin ông mất vào một ngày mùa hạ nắng gắt. Trong khoảnh khắc ấy, tuổi thơ tôi như thu bé thành một cuộn phim cũ, từng khuôn hình lặng lẽ trôi qua tâm trí: mảnh sân nhà ngoại, tấm phản gỗ, bộ bài tam cúc, đàn vịt chạy đồng, mùi rơm rạ sau đêm sương và bóng dáng ông lom khom giữa những ngày quê nghèo mà ấm áp.

Từ ngày lên phố, tôi ít về lại quê ngoại. Cuộc sống cuốn đi bởi học hành, công việc, những bận rộn không tên. Đến khi trở về, tôi mới nhận ra nơi chốn cũ đã không còn nguyên vẹn như trong ký ức của mình. Mảnh sân rộng trước nhà ngoại, nơi ngày bé tôi vẫn chạy nhảy cùng các anh em họ, nay đã được thay bằng những căn nhà san sát. Căn nhà của ngoại trở nên nhỏ bé, lọt thỏm giữa những bức tường mới dựng, giữa những khuôn mặt láng giềng xa lạ và nhịp sống đô thị hóa đang lặng lẽ tràn vào làng.

Cánh đồng lúa ngày xưa, nơi từng trải dài đến tận chân trời, nay đã được san lấp để xây thành công viên. Buổi tối, người ta đi tản bộ quanh những lối lát gạch sạch sẽ, có cả vòi phun nước sáng đèn. Quê tôi đổi thay, khang trang hơn, thuận tiện hơn. Nhưng đứng trước khung cảnh ấy, lòng tôi vẫn không khỏi bâng khuâng. Có những điều khi mất đi mới làm ta nhận ra rằng, không phải chỉ cảnh vật đổi thay, mà một phần đời sống trong ta cũng đã âm thầm khép lại.

Tôi ngồi trên tấm phản gỗ cũ, nơi ông cháu tôi ngày trước vẫn hay chơi bài tam cúc. Hồi ấy, sau mỗi ván bài, ông thường cẩn thận gom từng lá, xếp thành những mắc nối nhỏ rồi ghép lại thành lọ hoa, con chim, con hạc. Bàn tay ông thô ráp vì đồng áng, vì năm tháng, vậy mà khi xếp bài lại khéo léo lạ thường. Trong tủ kính nhà ông, những món đồ thủ công bằng bài tam cúc từng được bày

kín như một kho báu tuổi thơ. Với người lớn, có thể đó chỉ là những vật trang trí đơn sơ. Nhưng với tôi, đó là cả một thế giới được làm nên từ sự kiên nhẫn, từ niềm vui mộc mạc và từ tình thương ông dành cho đứa cháu nhỏ.

Hầu như mùa hè nào tôi cũng được rời phố về quê ngoại. Ba má đưa tôi ra bến xe rồi vội vã quay về với công việc. Còn ông sẽ đứng chờ ở quê, dáng người ông gầy, nụ cười hiền như đã chờ tôi từ rất lâu. Tuổi thơ tôi gắn liền với miền quê đầy nắng gió ấy, nơi không có những món đồ chơi đắt tiền, không có những khu vui chơi rực rỡ, nhưng có đồng ruộng, có bờ mương, có tiếng vịt kêu, tiếng gà gáy, tiếng trẻ con gọi nhau í ới từ ngoài ngõ vào trong sân.



Ảnh sưu tầm

Nhà ngoại tôi ngày xưa rộng lắm. Đó là căn nhà ba gian, một gian để thờ cúng **ông bà** tổ tiên, hai gian còn lại là chỗ ông bà ngoại cùng các dì, các cậu sinh hoạt khi chưa lập gia đình. Tối nào tôi cũng ngủ với ông. Tôi thích cảm giác được rúc vào người ông, nghe ông kể chuyện chiến tranh, chuyện đồng đội, chuyện những tháng ngày gian khó mà thế hệ của ông đã đi qua. Nhưng lần nào tôi cũng ngủ thiếp đi rất nhanh, khi câu chuyện còn chưa kịp đến hồi kết. Giọng ông trầm đều, ấm áp, ru tôi vào giấc ngủ.

Nhà ngoại tôi đi ngủ sớm để tinh mơ hôm sau, khi lũ gà còn ngái ngủ chưa gáy dứt tiếng, người lớn đã lục đục ra đồng. Những ngày đầu về quê, tôi còn chây lười nằm đến gần trưa, và khi thức dậy, mò xuống bếp, tôi luôn thấy nắm cơm ngoại dành phần.

Dì tôi cũng thường bảo: "*Bữa sáng không được bỏ. Ăn cho chắc bụng, ra đồng mới không bị mệt*." Câu nói ấy khi đó tôi nghe như một lời nhắc bình thường. Sau này lớn lên, tôi mới hiểu đó là cách người quê thương nhau: không nhiều lời, không bóng bẩy, chỉ lặng lẽ chừa lại cho nhau một nắm cơm, một phần canh nóng hổi mỗi sáng.

Rồi tôi bắt đầu thích dậy sớm. Có lẽ vì tôi dần cảm nhận được cái thú của làng quê lúc ban mai. Không khí sớm tinh mơ trong vắt. Bầu trời còn nhập nhoạng, như đang chậm rãi khoác lên mình những tia nắng đầu tiên. Mùi rơm rạ ẩm sương, mùi bùn non, mùi khói bếp, mùi đồng quê dâng lên ngào ngạt. Những con bò mắt to ngơ ngác, tiếng vịt gọi bầy, tiếng người gánh nước, tiếng liềm hái va vào nhau... tất cả hòa thành một bản nhạc rất riêng của thôn quê, thứ âm thanh mà phố thị không bao giờ có được.

Cậu thắt cộ cho bò rồi bế thốc tôi lên ngồi cùng. Dì và ông, tay liềm tay hái, thoăn thoắt leo lên như thể chậm một phút là lỡ mất cả ngày. Chúng tôi ra đồng khi trời còn sớm. Trong lúc dì và cậu khom lưng với ruộng lúa, ông lùa đàn vịt sang thửa ruộng đã gặt bên cạnh. Lũ vịt được dịp ăn no những hạt lúa còn sót lại trên đồng cạn, cứ chúi đầu tìm kiếm, kêu quàng quạc vang cả một khoảng trời.

Ông từng dạy tôi cách lùa vịt. Nhưng đàn vịt chẳng bao giờ nghe lời tôi. Tôi vừa cầm roi đến gần, chúng đã chạy tán loạn. Tôi phụng phịu bỏ lên bờ, còn ông thì cười hiền, cái cười không trách móc chỉ đầy thương yêu. Có lẽ từ rất sớm, tôi đã học được nơi ông ngoại một bài học giản dị: có những việc trong đời không thể dùng sự nóng vội để điều khiển mà phải hiểu nhịp của nó, phải kiên nhẫn đi cùng nó, rồi mọi thứ mới dần về đúng lối.

Cậu Mười của tôi chỉ lớn hơn tôi vài tuổi, nên cũng còn con nít lắm. Những khi nghỉ tay, cậu lại rủ tôi đi bắt cào cào lúa. Cậu bảo: "*Lũ này hay xuất hiện ở lúa đông xuân với lúa hè thu. Chúng sinh sản nhanh lắm, làm lúa lép, bán không được.*" Nghe cậu kể, tôi liền "*đâm ghét*" lũ cào cào, nên hăng hái đi bắt như thể mình đang góp một phần công sức lớn lao cho mùa màng. Tuổi thơ tôi có cả những buổi trưa nắng chang chang, theo cậu đi dọc các bờ ruộng, vạch từng bụi lúa để bắt cào cào. Sau này tôi mới biết cào cào bắt được còn được rang với lá chanh, trở thành món khoái khẩu mà ông hay nhắm cùng ít rượu vào cuối ngày.

Tôi cũng thích được theo dì đi bắt cua. Lần đầu bị cua kẹp, tôi khóc vang cả một cánh đồng. Dì thì xuýt xoa, luống cuống dỗ dành. Lũ trẻ trong làng thấy vậy liền trêu tôi là "*dân phố*", mới bị cua kẹp đã khóc, trong khi chúng còn khoe cả những vết đỉa cắn như những chiến tích nhỏ. Nghe thế, tôi vừa tủi thân vừa quyết tâm học cho bằng được. Những lần sau, tôi biết cách thò tay xuống hang,

biết cầm cua cho khỏi bị kẹp, biết phân biệt cua nhỏ để băm cho vịt ăn, cua lớn thì đem về hấp cho cả nhà.

Những chuyện ấy tưởng chừng rất đỗi bình thường, vậy mà bây giờ nghĩ lại, tôi thấy mình đã từng sống trong một thế giới đủ đầy. Đầy nắng, đầy gió, đầy mùi bùn đất, đầy những trò tinh nghịch, đầy tiếng cười và đầy tình thương của người thân. Người lớn trong nhà không dạy tôi bằng những bài học lớn lao. Họ dạy bằng cách sống: chịu thương chịu khó, nhường nhịn, chăm chút, biết dành phần cho nhau, biết nương vào đất trời, thiên nhiên, nương vào nhau mà sống.

Nhưng rồi tất cả cũng đổi thay.

Mảnh sân rộng nhà ngoại không còn nữa. Cây thanh long cao ngạo, lần nào tôi về cũng chỉ trổ đúng một trái, đã bị chặt từ lúc nào. Cánh đồng lúa đã thành công viên.

Đàn vịt cũng "*ra đi*" vào những ngày dịch bệnh tràn về làng nhỏ. Lũ cào cào ngủ yên dưới lớp bê tông. Những con cua ẩn mình đâu đó dưới nền những căn nhà mới mọc lên san sát. Quê tôi ngày càng tiến bộ, đường sá rộng hơn, nhà cửa khang trang hơn, đời sống đủ đầy hơn. Sự đổi thay ấy là điều tất yếu. Nhưng trong dòng chảy tất yếu ấy, ký ức cũ cũng rơi rụng dần như những chiếc lá cuối mùa.

Trong giáo lý nhà Phật, vô thường không phải là một ý niệm xa xôi. Vô thường hiện diện ngay trong từng mái nhà cũ, từng cánh đồng, từng người thân rời khỏi cuộc đời ta. Không có gì đứng yên mãi. Một đứa trẻ rồi sẽ lớn lên. Một làng quê rồi sẽ thay hình đổi dạng. Một người ông từng cõng cháu, kể chuyện cho cháu ngủ, rồi cũng đến lúc thác về nơi chín suối.

Bởi vì mọi thứ đều mong manh, nên từng bữa cơm được dành phần, từng buổi sáng ra đồng, từng ván bài tam cúc, từng tiếng cười của ông đều trở nên quý giá. Bởi vì không ai ở lại mãi, nên những ngày còn được ở bên nhau chính là phước lành mà khi đang có, ta thường không kịp nhận ra.

Nay ông tôi đã qua đời. Ông mang theo cả một bầu trời **tuổi thơ** của tôi, mang theo tiếng cười hiền, bàn tay khéo xếp bài, những câu chuyện thời chiến chưa kể hết và hơi ấm của những đêm tôi ngủ thiếp bên ông. Nhưng có lẽ, ông cũng không thật sự mất đi hoàn toàn. Ông còn trong tấm phản gỗ cũ. Trong tủ kính phủ bụi, nơi những con hạc, những lọ hoa bằng bài tam cúc vẫn đứng im qua năm tháng. Ông còn trong mùi rơm rạ mỗi khi tôi đi ngang một cánh đồng. Trong tiếng vịt gọi bầy đâu đó giữa miền quê xa. Trong nắm cơm ông từng dành phần. Trong cả cách tôi biết lắng lại để cảm nhận một điều đang mất, và biết

cúi đầu biết ơn vì điều ấy đã từng có mặt trong đời mình.

Ký ức cũng giống như những lá bài tam cúc ông từng xếp. Mỏng manh, cũ kỹ, dễ nhàu nát theo thời gian. Nhưng nếu được nâng niu bằng thương nhớ, chúng vẫn có thể kết thành những con hạc nhỏ, bay qua những ngày mất mát, nhắc ta rằng giữa vô thường, tình thương là điều đọng lại mãi trong tim.

Từ góc nhìn Phật học, sinh ly tử biệt là một sự thật không ai có thể tránh khỏi trong kiếp người. Có mặt rồi vắng mặt, gặp gỡ rồi chia xa, sum vầy rồi mất mát, tất cả đều nằm trong dòng vận hành của vô thường. Đạo Phật giúp ta nhìn sâu vào những sự thật ấy để thấy rằng thương yêu càng lớn thì mất mát càng khiến lòng ta se thắt. Nhưng nếu biết quán chiếu, nỗi buồn không chỉ là sự tổn thương, mà còn có thể trở thành cơ hội để ta học trân trọng hơn những ngày còn được gặp nhau, biết sống trọn vẹn hơn trong từng cuộc sum vầy, biết nói lời thương khi còn có thể nói, biết chăm sóc người thân khi còn có thể chăm sóc.

Sinh ly tử biệt vì thế không chỉ nhắc ta về sự mong manh của đời người, mà còn đánh thức trong ta một cách sống tỉnh thức, biết ơn và sâu sắc hơn giữa cuộc đời vô thường.

Tác giả: **Biện Bạch Ngọc**
Hội viên Hội VHNT tỉnh Gia Lai